

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 299, 318, 319, 320, 322, 323, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q (V1).

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số A P, phường B, Quận A, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H, chức vụ: Giám đốc Thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng, địa chỉ: Tầng D Tòa nhà C, số D T, phường T, quận Đ, TP ..

Người được ủy quyền lại: Ông Ngô Văn T, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q, địa chỉ: Tầng D Tòa nhà C, số D T, phường T, quận Đ, TP ..

- *Bị đơn:*

1. Ông Trịnh Văn T1, sinh năm: 1977.

2. Bà Ngô Thị M, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Xuân Đ, sinh năm: 1955.

2. Bà Lưu Thị N, sinh năm: 1954.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Ngô Thị M, ông Trịnh Xuân Đ và bà Lưu Thị N ủy quyền cho ông Trịnh Văn T1 tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về yêu cầu trả nợ:

Ngân hàng TMCP Q (V1) cho vợ chồng ông Trịnh Văn T1 và bà Ngô Thị M vay tiền theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 9705316.23 ngày 12/07/2023: Ông T1 và bà M vay số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*).

- Đề nghị phát hành thẻ ngày 13/07/2023: Hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Sau khi vay tiền, ông T1 và bà M đã trả cho Ngân hàng TMCP Q được số tiền là 222.403.057 đồng (trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 121.912.605 đồng, lãi quá hạn là 490.452 đồng), vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/10/2024.

Tính đến ngày 08/5/2025, vợ chồng ông T1 và bà M còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.091.051.588 đồng (*Một tỷ, không trăm chín mươi một triệu, không trăm năm mươi một nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng*), trong đó bao gồm:

- Khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 9705316.23 ngày 12/07/2023: Nợ gốc là 880.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.467.962 đồng, nợ lãi quá hạn là 69.075.300 đồng, tổng gốc và lãi là 962.543.262 đồng.

- Khoản nợ thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 13/07/2023: Nợ gốc là 91.842.965 đồng, nợ lãi trong hạn là 23.031.751 đồng, phí là 13.633.610 đồng, tổng là 128.508.326 đồng.

Ngân hàng TMCP Q yêu cầu vợ chồng ông T1 và bà M trả tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.091.051.588 đồng (*Một tỷ, không trăm chín mươi một triệu, không trăm năm mươi một nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng*) và tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 09/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đề nghị phát hành thẻ. Ông T1 và bà M chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng.

2.2. Về phương án trả nợ:

Các đương sự thỏa thuận: Vợ chồng ông Trịnh Văn T1 và bà Ngô Thị M

có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.091.051.588 đồng (*Một tỷ, không trăm chín mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng*) và lãi, phí phát sinh từ ngày 09/5/2025 theo lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Thời hạn trả nợ: Chậm nhất là ngày 08/6/2025.

2.3. Về xử lý vi phạm:

Nếu vợ chồng ông Trịnh Văn T1 và bà Ngô Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 1938217.23 ngày 12/7/2023 và Văn bản cam kết ngày 12/7/2023 (ký giữa V1 và ông Trịnh Xuân Đ, bà Lưu Thị N) để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại của ông T1 và bà M đối với V1, bao gồm cả nợ gốc, lãi, phí phát sinh. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 614,5 m² đất và tài sản khác gắn liền với đất (nhà ở và các công trình khác) tại thửa đất số: 6, tờ bản đồ số: 15 (đo vẽ năm 2013), địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 575700, sổ vào sổ cấp GCN: VP 00845 do Văn phòng Đ1 cấp ngày 22/06/2023 đứng tên ông Trịnh Xuân Đ và bà Lưu Thị N.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông T1 và bà M với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì ông T1 và bà M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

2.4. Về án phí:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng ông Trịnh Văn T1 và bà Ngô Thị M phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.366.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.575.000 đồng (*Mười tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0000252 ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Dung